

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160 /2021/DS-ST

Ngày: 20 - 5 -2021

V/v “Tranh chấp về hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Ông Phạm Ngọc Đông

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký Tòa án

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:* Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 58/2021/TLST-DS ngày 15/3/2021 về việc “Tranh chấp về hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021.

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm: 1972  
Cư trú: 46 đường L, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (CM)
2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị H (tên thường gọi Hòa), sinh 1979  
Cư trú: 372/11 đường T, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (CM)
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*  
- Anh Hà Thúc N, sinh năm 1977  
Cư trú: 372/11 đường T, TP. Quy Nhơn, TP. Quy Nhơn, Bình Định  
Anh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:*

Chị và chị Dương Thị H (tên thường gọi là H) có quan hệ quen biết nhau qua làm ăn, từ tháng 05/2019(AL) chị có tham gia 3 dây hui do chị H làm cái cụ thể:

- Dây hụi thứ 1: chơi từ tháng 5/2019(AL) có 15 người chơi, mỗi tháng đóng 5.000.000đ đến tháng 7/2020 (AL) chị hốt được 74.800.000đ nhưng chị H chưa thanh toán. Dây hụi có 15 người chơi hốt 75.000.000đ nhưng trừ tiền cái 200.000đ còn lại 74.800.000đ.

- Dây hụi thứ 2: chơi từ tháng 01/2020 có 12 người chơi đóng được 7 kỳ mỗi kỳ 30.000.000đ thì ngưng do chị H không thanh toán dây hụi 1. Chị đã đóng được 210.000.000đ, chị H xin 10 triệu đồng nên còn lại phải trả cho chị 200.000.000đ.

- Dây thứ 3: là dây chị đóng cho cái 1 chân 10.000.000đ, có 12 người chơi. Chị đã đóng 117.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản cho chị H qua hệ thống Ngân hàng Công Thương, chi nhánh Bình Định.

Đến ngày 10/7/2020(AL) chị H chốt tổng cộng 3 dây hụi còn nợ lại chị là 391.800.000đ. Chị H viết giấy nhận nợ, đưa chị giữ. Sau đó chị H đã trả được 2 tháng là tháng 8, 9/2020 (AL) 36.000.000đ. Hiện nay, chị H còn nợ chị 355.800.000đ tiền hụi. Chị đã đòi nhiều lần nhưng chị H không thanh toán. Giao dịch này anh N, chồng chị H biết vì nhiều lần anh N đến nhà chị thu tiền hụi. Chị H chơi hụi hưởng hoa hồng là để phục vụ chi tiêu, sinh hoạt gia đình. Do đó, chị yêu cầu chị H và anh N phải trả cho chị dứt điểm một lần 355.800.000đ tiền hụi.

*Bị đơn chị Dương Thị H (tên thường gọi H) trình bày:*

Giữa chị và chị P có quen biết nhau qua làm ăn. Chị P có tham gia 03 dây hụi do chị làm cái:

- Dây hụi thứ 1: chơi từ tháng 01/2018, có 12 người chơi, chị P trút hụi số tiền 74.800.000đ, do các người chơi không đóng hụi nên chị gặp khó khăn không có tiền trả cho chị Phương.

- Dây hụi thứ 2: chơi từ tháng 01/2019(AL) có 12 người chơi mỗi người đóng 10.000.000đ, chị P chơi 3 chân, tiền lời 1 chân 1.500.000đ. Chị P đã đóng 25.500.000 x 7=178.500.000đ cộng tiền lời thành 200.000.000đ.

- Dây hụi thứ 3: chơi hụi 12 người, chị P trút ống số tiền 117.000.000đ

Ngày 10/7/2020 chị có viết giấy nhận nợ 391.800.000đ, sau đó đã trả: 36.000.000đ hiện còn nợ 355.800.000đ. Chị làm cái hụi thu tiền hoa hồng là để chi tiêu cho sinh hoạt gia đình. Anh N, chồng chị có biết việc chị chơi hụi với chị P, nợ tiền hụi là nợ chung của vợ chồng. Mỗi khi chị bận việc có nhờ anh N đến nhà chị P lấy tiền hụi. Chị xin trả dần mỗi tháng 3 triệu đồng bắt đầu từ tháng 9/2021 cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Thúc N trình bày:* Anh là chồng chị H. Giữa chị H với chị P có quan hệ làm ăn như thế nào anh không biết. Nay chị P yêu cầu chị H và anh N phải trả dứt điểm một lần 355.800.000đ tiền hụi anh không

đồng ý vì nợ nần do chị H giao dịch anh không biết nên chị H và chị P tự thỏa thuận cách trả nợ với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn cho rằng nợ tiền góp hui là nợ cá nhân chị không liên quan anh Hà Thúc N xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ bắt đầu từ tháng 12/2021 cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Tòa xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hui” là không đúng mà đây là quan hệ “Hợp đồng vay tài sản”

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

Áp dụng 463, 466 Bộ luật dân sự:

Buộc chị Dương Thị H (tên thường gọi H) và anh Hà Thúc N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị P số tiền nợ góp hui 355.800.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về thủ tục tố tụng:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Thúc N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo qui định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giữa các bên đương sự đều thừa nhận có giao dịch góp hui với nhau. Nội dung nhận nợ ngày 10/7/2020 của bị đơn phù hợp qui định tại Điều 13 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ qui định về họ, hui, biên, phường về Giấy biên nhận nên đây là tranh chấp về hui.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Dương Thị H (tên thường gọi là H) thừa nhận còn nợ chị Trần Thị P số tiền góp hui đến nay chưa trả là 355.800.000đ. Đây là tình tiết nguyên đơn không cần phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự. Do đó, yêu cầu của chị P đòi phải trả 355.800.000đ tiền nợ hui là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với qui định pháp luật tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và các điều 15, 16, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP

ngày 19/02/2019 của Chính phủ qui định về họ, họ, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Chị P khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Dương Thị H (tên thường gọi là H) và anh Hà Thúc N liên đới trả nợ hui số tiền 355.800.000đ. Xét thấy số nợ hui 355.800.000đ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh chị. Chị H thừa nhận chị làm chủ hui hưởng hoa hồng dùng vào mục đích sinh hoạt và chi tiêu cho gia đình. Anh N, chồng chị H có biết quá trình giao dịch này. Do đó, chị H và anh N phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui 355.800.000đ cho chị P là đúng theo qui định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình.

[3.3] Chị H xin trả dần số tiền hụi nêu trên nhưng không được chị P đồng ý và không phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.4] Chị P không yêu cầu trả lãi số tiền nợ hạn 355.800.000đ. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp qui định pháp luật nên Tòa ghi nhận.

[4] Án phí:

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (sau đây viết tắt là Nghị quyết 326).

Chị Dương Thị H (tên thường gọi là H) và anh Hà Thúc N phải chịu án phí có giá ngạch đối với do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326.

Hoàn trả tam ứng án phí DSST cho chị Trần Thị P.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn chỉ phù hợp một phần với nhận định trên của Tòa.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình; Các điều 15, 16, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biên, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P đòi chị Dương Thị H (tên thường gọi là H) và anh Hà Thúc N trả tiền nợ góp hụi.

2. Buộc Dương Thị H (tên thường gọi là H) và anh Hà Thúc N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị P số tiền nợ góp hui 355.800.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận tự nguyện của chị Trần Thị P không yêu cầu tính lãi số tiền nợ góp hui.

- Bác lời nại của anh Hà Thúc N không đồng ý trả nợ góp hui cho chị Trần Thị P và chị Dương Thị H (tên thường gọi là H) cho rằng nợ tiền góp hui là nợ cá nhân chị không liên quan anh Hà Thúc N xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ bắt đầu từ tháng 12/2021 cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn.

### 3. Về án phí DSST:

Chị Dương Thị H (tên thường gọi là H) và anh Hà Thúc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.790.000đ.

Hoàn lại cho chị Trần Thị P số tiền tạm ứng án phí 8.895.000đ đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0003535 ngày 15/3/2021 của Cơ quan thi hành án Dân sự TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- CQ THA DS Tp. Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Cao Thị Phương Thảo**

